

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2017/HS-PT
Ngày 24 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Quang Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Anh Cường.

Ông Trần Văn Thái.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan - Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2017/HSPT ngày 23/10/2017 đối với bị cáo Đặng Ngọc S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Bị cáo có kháng cáo:

Đặng Ngọc S, sinh năm 1980; trú tại: Thôn L, xã I, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; con ông Đặng Văn B (Đã chết) và bà Phạm Thị C, có vợ là Lê Thị H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2017 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Chị Triệu Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1973; địa chỉ: phường T1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1987; địa chỉ: phường N1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Ông Trần Trường G, sinh năm 1956; địa chỉ: phường N1, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Theo Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P và Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã P, nội dung vụ án như sau:

Do có mối quan hệ quen biết từ trước nên Đặng Ngọc S đã chuyển đến ở chung nhà với chị Triệu Thị N, sinh năm 1972 ở tổ 1, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc từ tháng 11/2016.

Ngày 24/12/2016, S hỏi mượn chị N chiếc xe mô tô mang Biển kiểm soát 88K3 - 5880 để làm phương tiện đi lại. Chị N đồng ý và giao xe mô tô nêu trên cùng đăng ký xe cho S. Khoảng thời gian từ ngày 24/12 đến ngày 27/12/2016, S đều mượn xe của chị N vào buổi sáng để làm phương tiện đi lại, đến tối đem xe về nhà trả cho chị N.

Đến sáng ngày 28/12/2016, sau khi mượn được xe của chị N do không có tiền tiêu sài nên S đã nảy sinh ý định đem cầm cố chiếc xe nói trên. Do quen biết với chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1973 ở tổ 2, phường T1, thị xã P nên S đã gọi điện thoại nhờ và được chị H1 đồng ý đi cầm xe giúp. Sau đó S đi xe đến cổng chợ P gặp chị H1, S nói chiếc xe mang biển kiểm soát 88K3 - 5880 là của S mới mua hiện đang cần tiền nên nhờ cầm lấy 10.000.000đ. Tin là thật, chị H1 đã đồng ý và đem xe cùng giấy đăng ký đến cửa hiệu cầm đồ của hộ kinh doanh Trần Trường G ở địa chỉ tổ 4, phường N1, thị xã P để cầm cố xe. Tại đây, anh Trần Quốc T2 là con trai của ông Trần Trường G đã đưa cho chị H1 số tiền 10.000.000đ, chị H1 nhận tiền và đem về đưa lại cho S.

Tối ngày 28/12/2016, chị N không thấy S về nhà trả xe nên đã điện thoại cho S yêu cầu đem xe về trả. Sau nhiều lần bị chị N đòi xe, S nói với chị N là đã đem xe đi cầm cố lấy tiền hiện không chuộc lại được. Đến ngày 06/02/2017, chị N làm đơn tố cáo hành vi phạm tội của S đến Công an thị xã P.

Công an thị xã P đã thu giữ được những vật chứng sau: Thu giữ tại hiệu cầm đồ của hộ kinh doanh Trần Trường G 01 xe mô tô Honda WAVE màu đỏ đen mang biển kiểm soát 88K3 - 5880; 01 đăng ký xe mang tên Triệu Thị N; 01 hợp đồng cầm cố chiếc xe do ông Trần Trường G tự nguyện giao nộp.

Ngày 10/4/2017, Hội đồng định giá tài sản thị xã P kết luận: 01 chiếc xe mô tô mang biển kiểm soát 88K3 - 5880 có trị giá 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

Ngày 21/4/2017, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe nêu trên cùng đăng ký xe cho chị Triệu Thị N. Chị N đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường gì.

Ngày 25/5/2017, S trả lại cho ông G số tiền 10.000.000đ. Đến nay ông G, anh T2 và chị H1 đều không có đề nghị gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P đã quyết định:

Tuyên bố Đặng Ngọc S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đặng Ngọc S 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08 tháng 6 năm 2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/9/2017 Đặng Ngọc S kháng cáo bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Đặng Ngọc S. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

XÉT THẤY:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, phiên toà phúc thẩm, Đặng Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng của vụ án, phù hợp với các tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với bản án sơ thẩm đã xét xử, như vậy có đủ cơ sở xác định: Ngày 28/12/2016, Đặng Ngọc S mượn xe mô tô mang biển kiểm soát 88K3 - 5880 của chị Triệu Thị N để làm phương tiện đi lại. Do không có tiền tiêu xài nên sau khi mượn được xe S đã nhờ chị Nguyễn Thị Thu H1 đi cầm cố chiếc trên tại cửa hiệu cầm đồ của hộ kinh doanh Trần Trường G được 10.000.000đ. Toàn bộ số tiền này S đã tiêu xài cá nhân hết, khi chị N đòi xe S không trả lại được. Trị giá chiếc xe được định giá là 12.000.000đ.

Hành vi nêu trên của S đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, điều luật quy định:

“ Người nào có một trong những hình vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

a)....

b).....mượn ...tài sản của người khác và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự cũng như làm ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn thị xã P nói riêng và tỉnh Vĩnh Phúc nói chung. Vì vậy cần xử lý nghiêm khắc nhằm giáo dục răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Khi xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đó là: Bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của mình; tự nguyện khắc phục hậu quả do đó đã áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Cấp sơ thẩm đã phạt bị cáo 9 tháng tù về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không đưa thêm được tình tiết giảm nhẹ nào khác, do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Đặng Ngọc S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Ngọc S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2017/HSST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Tuyên bố Đặng Ngọc S phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt Đặng Ngọc S 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/6/2017.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về lệ phí, án phí Tòa án: Đặng Ngọc S phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã P;
- Tòa án nhân dân thị xã P;
- Công an thị xã P;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Toà HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Quang Hùng